

Bản án số: 306/2019/DS-ST
Ngày: 18/6/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Bà Lê Thị Mộng Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 582/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-DS ngày 21/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Khánh C (có mặt)

Địa chỉ: Phường Z, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 1211/2018/UQ-TTT ngày 23/8/2018).

2. Bị đơn: Ông Trương Quốc V (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ma Khánh C trình bày:

Ngày 21/01/2016, ông Trương Quốc V có ký với Ngân hàng S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm

hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của ông V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000đồng với mục đích tiêu dung cá nhân, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2,15%/tháng và lãi suất này có thể điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, các giao dịch và phí phát sinh phải được ông V thanh toán cho Ngân hàng vào hoặc trước ngày đến hạn ghi trên thông báo (hàng tháng), việc không thanh toán số tiền tối thiểu khi đến hạn sẽ làm cho tổng dư nợ trở nên đến hạn ngay lập tức. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 72.872.280đồng.

Trong quá trình sử dụng, ông V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 60.928.168đồng gồm trả nợ gốc là 46.332.328đồng, trả lãi là 10.859.951đồng, phí là 3.735.889đồng. Từ ngày 01/11/2017, ông V không thanh toán tiền còn nợ cho Ngân hàng nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông V vẫn không trả tiền, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 18/6/2019, ông V còn nợ số tiền nợ gốc là 26.539.952đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 01/02/2019 đến ngày 18/6/2019 là 14.350.590đồng, tổng cộng 40.890.542đồng. Ngân hàng không yêu cầu ông V phải trả tiền lãi từ ngày 01/11/2017 đến ngày 31/01/2018.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trương Quốc V thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 26.539.952đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 01/02/2019 đến ngày 18/6/2019 là 14.350.590đồng, tổng cộng 40.890.542đồng. Đồng thời ông V có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/6/2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng. Việc trả tiền thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trương Quốc V vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 14 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình tố tụng, do bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3.2] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/01/2016, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) do các bên xác lập trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[3.3] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/01/2016 giữa ông Trương Quốc V và Ngân hàng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Bản sao kê và các tài liệu khác do Ngân hàng cung cấp và lời khai của Ngân hàng thì có cơ sở xác định: Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng quốc tế cho ông V (số thẻ 512341-1609), hạn mức sử dụng là 30.000.000đồng; các bên thỏa thuận ngày chốt thông báo giao dịch là 31, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2,15%/tháng và lãi suất này có thể điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, các giao dịch và phí phát sinh phải được ông V thanh toán cho Ngân hàng vào hoặc trước ngày đến hạn ghi trên thông báo (hàng tháng), việc không thanh toán số tiền tối thiểu khi đến hạn sẽ làm cho tổng dư nợ trở nên đến hạn ngay lập tức. Từ ngày 31/01/2016 đến ngày 31/3/2017, ông V đã thực hiện các giao dịch từ thẻ (rút tiền, thanh toán mua hàng hóa...) với tổng số tiền là 72.872.280đồng. Từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/10/2017, ông V thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 60.928.168đồng, gồm trả nợ gốc là 46.332.328đồng, trả lãi là 10.859.951đồng, phí là 3.735.889đồng. Sau đó (từ ngày 01/11/2017) ông V không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Tính đến ngày 18/6/2019, ông V còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 26.539.952đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 01/02/2019 đến ngày 18/6/2019 là 14.350.590đồng, tổng cộng 40.890.542đồng. Ngân hàng không yêu cầu ông V trả tiền lãi từ ngày 01/11/2017 đến ngày 01/02/2018. Từ đó, căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc ông V trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 26.539.952đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 01/02/2019 đến ngày 18/6/2019 là 14.350.590đồng, tổng cộng 40.890.542đồng. Ngoài ra, ông V còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/01/2016, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm là 2.044.500đồng, ông Trương Quốc V phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc ông Trương Quốc V phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc là 26.539.952đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 28/02/2019 đến ngày 18/6/2019 là 14.350.590đồng, tổng cộng 40.890.542đồng. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông V còn phải trả cho Ngân hàng S tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/01/2016 giữa ông Trương Quốc V và Ngân hàng S, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

2/Án phí:

Ông Trương Quốc V chịu án phí sơ thẩm là 2.044.500đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí là 777.619đồng, theo biên lai thu số AA/2018/0004865 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDHHM;
- THA DS HHM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Phương Nam

